



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

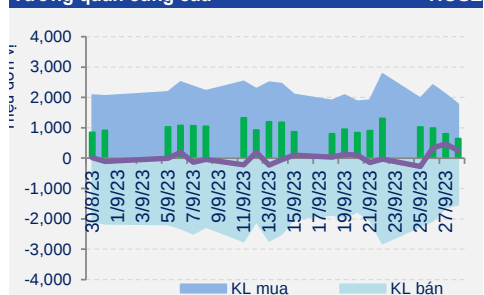
28/9/2023

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

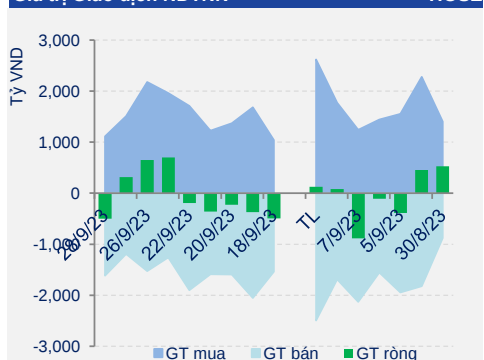
| Thông kê thị trường | HOSE          | HNX         |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index               | 1,152.43      | 234.50      |
| % Thay đổi          | ↓ -0.12%      | ↓ -0.57%    |
| KLGD (CP)           | 645,321,280   | 83,591,456  |
| GTGD (tỷ đồng)      | 15,865.42     | 1,787.26    |
| Tổng cung (CP)      | 1,531,683,274 | 132,134,300 |
| Tổng cầu (CP)       | 1,779,635,739 | 123,279,200 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE       | HNX       |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP)       | 58,030,678 | 1,290,062 |
| KL mua (CP)       | 37,292,369 | 4,124,700 |
| GT mua (tỷ đồng)  | 1,114.04   | 131.51    |
| GT bán (tỷ đồng)  | 1,615.19   | 32.19     |
| GT ròng (tỷ đồng) | (501.15)   | 99.33     |

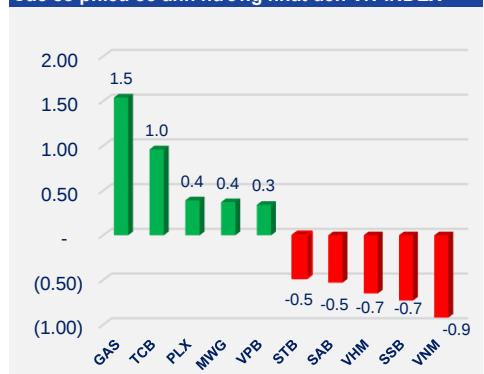
## Tương quan cung cầu



## Giá trị Giao dịch NĐTNN



## Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên giao dịch phục hồi tốt, phiên giao dịch hôm nay với thông tin Ngân hàng Nhà Nước tiếp tục phát hành 20.000 tỷ tín phiếu trong ngày 27/09/2023 nâng mức đã phát hành lên 70.000 tỷ đồng và dự kiến có thể lên 130.000 tỷ đồng, đã tạo áp lực tâm lý đến thị trường. VN-INDEX đầu phiên giao dịch điều chỉnh giảm dưới áp lực của nhóm cổ phiếu ngân hàng, sức ép điều chỉnh tiếp tục gia tăng đến đầu phiên chiều khi VN-INDEX giảm điểm về quanh vùng 1.140 điểm và bắt đầu phục hồi trở lại. Kết phiên VN-INDEX giảm nhẹ 1,42 điểm (-0,12%) về mức 1.152,43 điểm, vẫn duy trì cao hơn vùng giá thấp nhất tháng 08/2023. HNX-INDEX giảm 1,34 điểm (-0,57%) về 234,50 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết nghiêng về tiêu cực khi tổng cộng có 372 mã giảm giá (06 mã giảm sàn), 287 mã tăng giá (10 mã tăng trần) và 130 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 17.617 tỷ đồng, tiếp tục giảm 12,93% so với áp lực bán phiên trước, giảm mạnh so với mức trung bình cho thấy áp lực bán không mạnh, thị trường phân hóa và tâm lý thận trọng trước phiên kết thúc quý III/2023 ngày mai. Nhà đầu tư nước ngoài sau 03 phiên mua ròng đã bán ròng trở lại với giá trị 501,15 tỷ đồng, trong đó bán ròng nhóm ngân hàng, dịch vụ tài chính, chứng khoán; mua ròng trên HNX với giá trị 99,33 tỷ đồng, nổi bật ở cổ phiếu PVS, SHS..

Dầu khí là nhóm cổ phiếu có diễn biến tích cực nhất thị trường khi giá dầu tiếp tục tăng lên mức cao, nhiều cổ phiếu tiếp tục thu hút dòng tiền, tăng giá tích cực và hướng đến vùng đỉnh giá lịch sử tháng 03/2022 như PVS (+5,61%), PVT (+4,64%), GSP (+6,92%), PVD (+3,77%), BSR (+3,70%)....

Các cổ phiếu cảng biển, vận tải biển cũng có diễn biến tích cực vượt trội, nhiều mã tiếp tục vượt đỉnh giá gần nhất khi thông tin giá cước vận tải vẫn đang tăng giá tốt, với mức tăng hơn 50% trong 01 tháng qua và vượt lên mức đỉnh đầu năm 2023, nổi bật như VOS (+6,80%), SGP (+5,56%), HAH (+3,20%), GMD (+2,81%)....

Trong khi đó nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán mặc dù thanh khoản thị trường thấp trở lại, áp lực bán ròng của khối ngoại gia tăng nhưng vẫn phân hóa khá tích cực khi FTS (+6,97%), BSI (+5,40%), CTS (+2,25%), AGR (+1,73%).. thanh khoản cải thiện, và các mã chịu áp lực điều chỉnh như VIX (-3,93%), VND (-3,66%), SSI (-2,12%), VCI (-2,09%)... thanh khoản dưới trung bình.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng có diễn biến kém tích cực nhất, ảnh hưởng tiêu cực đến chỉ số chung khi áp lực bán gia tăng khá mạnh ở đầu phiên giao dịch, nhiều mã thanh khoản tăng vượt mức trung bình như SSB (-4,76%), EIB (-3,86%), STB (-3,30%)... ngoài các mã phục hồi tăng giá với TCB (+3,22%), LPB (+2,64%), TPB (+1,40%)...

Các cổ phiếu bất động sản ngoài NTL (+4,49%) có diễn biến khá tích cực vượt vùng giá đỉnh gần nhất thì đa số tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản giảm, dưới trung bình như DIG (-3,92%), CEO (-3,67%), TDC (-3,33%), NBB (-2,83%)....

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2310 giảm 1,2 điểm (-0,10%), chênh lệch thu hẹp âm -1,95 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng mạnh 17,82% so với phiên trước, trên mức trung bình, khối lượng mở OI tăng. Diễn biến cho thấy các vị thế đầu cơ mua bán trong phiên gia tăng trở lại khi thị trường biến động. Các kỳ hạn xa hơn VN30F2311, VN30F2312, VN30f2403 chênh lệch âm từ -1,65 điểm đến -14,45 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn gia tăng. Kỳ hạn VN30F2311 cao hơn VNF2310. Cho thấy các trader kỳ vọng thị trường sẽ ít biến động trong phiên kết thúc Quý III/2023, phòng ngừa rủi ro giảm điểm đối với VN30.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường tiếp tục giữ được ngưỡng hỗ trợ uptrend trung hạn quanh 1.150 điểm mặc dù Vnindex giảm nhẹ, chốt phiên VnIndex giảm -1,42 điểm (-0,12%) và đóng cửa ở 1.152,43 điểm. Phiên hôm nay dù VnIndex giảm điểm nhưng là phiên giao dịch tích cực bởi đây là phiên T+2 của phiên giảm điểm mạnh đồng thời nỗ lực phục hồi cuối phiên cho thấy động lực hồi phục tốt và Vn-Index giữ được ngưỡng hỗ trợ quan trọng.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn thị trường vẫn đang trong vùng điều chỉnh nhưng đã có những nỗ lực phục hồi và không đánh mất xu hướng uptrend trung hạn, qua đó mở ra hy vọng nỗ lực hồi phục này là tín hiệu để hình thành đáy của đợt điều chỉnh. Mặc dù vậy rủi ro ngắn hạn vẫn đang ở mức cao do biên độ dao động lớn của chỉ số trong nhịp điều chỉnh mạnh vừa rồi, do đó nhịp hồi phục nếu có xảy ra cũng mang tính kỹ thuật. Ngưỡng kháng cự của chỉ số hiện quanh vùng 1.170 điểm (đáy của nhịp điều chỉnh tháng 8/2023), ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1.150 điểm. Vn-Index cần duy trì giao dịch trên ngưỡng hỗ trợ này đủ dài để tích lũy thêm nội lực trước khi kỳ vọng có động lực tăng điểm tiếp theo.

Về góc nhìn trung hạn, VnIndex vẫn đang giữ được xu hướng uptrend, mặc dù vậy động lực tăng của thị trường bị ảnh hưởng vì đợt điều chỉnh mạnh vừa qua. Thị trường cần tiếp tục vận động tích cực trên ngưỡng 1.150 điểm để củng cố nền tảng và xu hướng. Trường hợp có nhịp hồi phục thì thị trường vẫn cần thêm thời gian để tích lũy chặt chẽ, hình thành nền tảng tích lũy mới.

Thị trường đang có tín hiệu hồi phục giúp VnIndex giữ được xu hướng uptrend dù rủi ro thất bại vẫn rất cao nếu VnIndex lại tiếp tục điều chỉnh trong các phiên tới. Nhà đầu tư ngắn hạn nếu đang có tỷ trọng cao nên tiếp tục tranh thủ nhịp hồi phục kỹ thuật để hạ tỷ trọng, hạn chế mua đuổi giá cao trong các phiên tăng điểm. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và theo dõi thêm diễn biến thị trường.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

28/9/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Vùng mua<br>dự kiến<br>(1.000 đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng lỗ<br>(1.000đ) | Thông số cơ bản |                       |                       | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|----------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|
|     |                          |                                  |                           |                         | P/E             | T.trưởng<br>Doanh thu | T.trưởng<br>Lợi nhuận |                     |
| IDC | 46.70                    | 43-45                            | 55-57                     | 41                      | 11.8            | -27.2%                | -62.6%                | Theo dõi giải ngân  |
| PVP | 14.50                    | 13-14                            | 17.5-18.2                 | 12                      | 4.7             | 8.3%                  | 235.8%                | Theo dõi giải ngân  |
| PHR | 47.70                    | 46-48                            | 57-59                     | 43                      | 7.3             | -54.5%                | 136.4%                | Theo dõi giải ngân  |
| BSR | 21.96                    | 19.5-21                          | 25.5-26                   | 18                      | 13.8            | -35.7%                | -86.8%                | Theo dõi giải ngân  |
| BVS | 26.00                    | 24-25.6                          | 29-30                     | 22                      | 10.1            | 1.2%                  | 415.3%                | Theo dõi giải ngân  |
| MBS | 22.90                    | 18.5-20                          | 24-25                     | 17.5                    | 22.1            | -21.8%                | 2.6%                  | Theo dõi giải ngân  |
| VHM | 44.50                    | 43.5-46                          | 61-63                     | 41                      | 4.3             | 634.5%                | 1348.3%               | Theo dõi giải ngân  |

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị<br>thế | Mã  | Giá hiện tại<br>(1.000đ) | Giá mua<br>(1.000đ) | Giá mục tiêu<br>(1.000 đ) | Giá dừng<br>lỗ<br>(1.000đ) | Hiệu quả đầu<br>tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|-------------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|----------------------------|------------------------|----------------------------|
| 19/5/23           | DPR | 32.4                     | 25.9                | 35-37                     | 30                         | 25.1%                  | Nắm giữ                    |
| 2/8/23            | VNM | 74.8                     | 72.95               | 87-89                     | 78                         | 2.5%                   | Nắm giữ                    |
| 28/9/23           | BSR | 22.0                     | 21.7                | 26-28                     | 19                         | 1.2%                   | Giải ngân giá 21.7         |

**TIN VĨ MÔ****Thặng dư thương mại của khối FDI đạt gần 34 tỷ USD**

Theo số liệu vừa được Tổng cục Hải quan công bố, trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa trong kỳ 1 tháng 9/2023 (từ ngày 01/9 đến ngày 15/9) đạt 28,07 tỷ USD, giảm 15,4% (tương ứng giảm 5,13 tỷ USD) so với kết quả thực hiện trong nửa cuối tháng 8/2023. Đối với khối doanh nghiệp FDI, trị giá nhập khẩu hàng hóa trong kỳ 1 tháng 9/2023 đạt 8,9 tỷ USD, giảm 6,5% (tương ứng giảm 621 triệu USD) so với kỳ 2 tháng 8/2023. Tính đến hết ngày 15/9/2023, tổng trị giá nhập khẩu của nhóm FDI đạt 143 tỷ USD, giảm 15,8% (tương ứng giảm 26,91 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 64,4% tổng trị giá nhập khẩu của cả nước.

**Lo ngại ảnh hưởng từ các cơn gió nghịch, IMF dự báo GDP 2023 của Việt Nam chỉ tăng 4,7%**

Theo Báo cáo Kết luận đợt tham vấn Điều IV của Điều lệ Quỹ 1 với Việt Nam vừa được phát hành, IMF nhận định năm 2022, kinh tế Việt Nam đã hồi phục mạnh sau đại dịch nhờ các yếu tố nền tảng kinh tế mạnh mẽ và quản lý y tế công thận trọng trong đại dịch. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) cho rằng đà phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam đã bị chững lại do các cơn gió nghịch tác động mạnh tới nền kinh tế vào cuối năm 2022 và trong nửa đầu năm 2023. Theo đó, tăng trưởng GDP năm 2023 của Việt Nam sẽ chậm lại ở mức 4,7% trước khi bật tăng lên 5,8% vào năm 2024...

**Ngân hàng Nhà nước hút gần 70.000 tỷ đồng ra khỏi hệ thống ngân hàng thông qua kênh tín phiếu**

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vừa công bố kết quả đấu thầu thị trường mở trong phiên 27/9. Theo đó, trong ngày 27/9, NHNN tiếp tục chào bán tín phiếu 28 ngày theo cơ chế đấu thầu lãi suất. Kết quả có 9/12 thành viên tham gia trúng thầu với tổng khối lượng là 20.000 tỷ đồng, lãi suất 0,65%, cao hơn phiên 26/9 (0,58%) và phiên đầu tuần 25/9 (0,49%). Kết quả, NHNN đã rút ra khỏi hệ thống 20.000 tỷ đồng trong phiên giao dịch 27/9. Với kỳ hạn 28 ngày, số tiền này sẽ được NHNN bơm trả lại hệ thống vào ngày 25/10/2023.

**Đầu tàu kinh tế TP HCM ước tăng trưởng GRDP 6,71% trong quý III**

Báo cáo tại Hội nghị tình hình kinh tế - xã hội TP HCM 9 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm quý IV/2023 diễn ra sáng 28/9, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM Phạm Trung Kiên cho biết, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức song TP HCM làm tốt mục tiêu ngăn chặn đà suy giảm. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) quý III/2023 của TP HCM ước tăng 6,71%. Trước đó, TP HCM đạt mức tăng trưởng GRDP quý II là 5,8%, quý I là 0,7%, tính chung 9 tháng ước tăng 4,57% so với cùng kỳ.

## TIN DOANH NGHIỆP

**Tasco (HUT) phát hành báo cáo tổng hợp, doanh thu đạt hơn 1 tỷ USD**

Để thực hiện hồ sơ tiếp tục niêm yết theo quy định sau khi Tasco hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu hoán đổi với SVC Holdings ngày 31/08/2023, Công ty đã thực hiện lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước theo đúng quy định và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO. Theo số liệu Báo cáo đã công bố, doanh thu năm 2022 của Tasco theo quy ước đạt 26.846,6 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng 1.218% so với doanh thu quy ước 2021; lợi nhuận trước thuế quy ước 2022 đạt 739,5 tỷ đồng, tăng trưởng 350% so với cùng kỳ 2021. Sau khi thực hiện hoán đổi, Tasco sở hữu 100% vốn điều lệ của SVC Holdings, đồng thời tổ chức lại và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của SVC Holdings từ công ty cổ phần trở thành Công ty TNHH Một thành viên.

**Điện gió Trung Nam Đắc Lắc 1: Lỗ 390,42 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2023 sau khi liên tục chậm trả lãi cho trái chủ**

CTCP Điện gió Trung Nam Đắc Lắc 1 thông báo tiếp tục lỗ trong nửa đầu năm 2023, đồng thời phát sinh nhiều lần chậm trả lãi cho trái phiếu. Cụ thể, trong nửa đầu năm 2023, Trung Nam Đắc Lắc 1 ghi nhận lỗ 390,42 tỷ đồng so với cùng kỳ lỗ 432,8 tỷ đồng. Trong đó, hệ số dư nợ trái phiếu trên vốn chủ sở hữu là 3,74 lần (đầu kỳ tỷ lệ này là 2,94 lần), tương ứng tổng dư nợ trái phiếu khoảng 9.544,56 tỷ đồng. Điểm đáng lưu ý, trong nửa đầu năm 2023, vốn chủ sở hữu giảm 24,2% so với đầu năm, tương ứng giảm 816,61 tỷ đồng, về 2.552,02 tỷ đồng.

**Hưng Thịnh Incons (HTN) dự kiến phát hành gần 90 triệu cổ phiếu, giá bán 10.000 đồng/CP trong quý IV/2023**

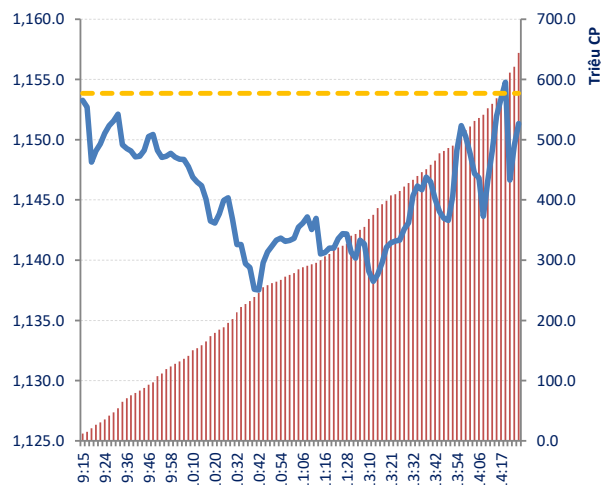
ĐQT CTCP Hưng Thịnh Incons (HTN – sàn HOSE) vừa thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, Hưng Thịnh Incons dự kiến phát hành 89,12 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1, giá chào bán 10.000 đồng/CP. Thời gian chào bán dự kiến quý IV/2023, ngay sau khi được UBCK cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định.

**Chứng khoán Bảo Việt (BVS) sắp chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 10%**

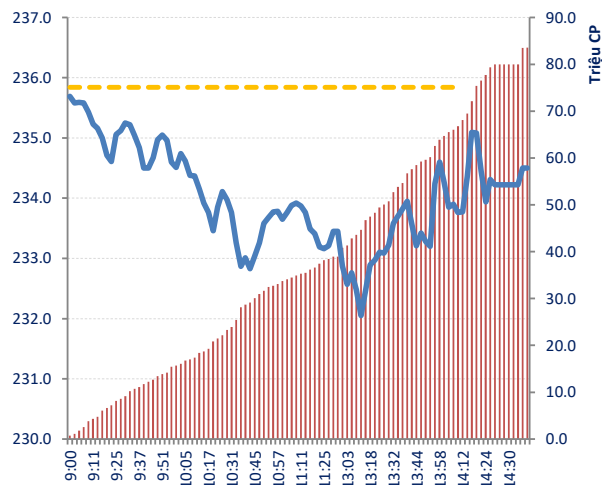
Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (mã BVS – sàn HNX) thông qua kế hoạch trả cổ tức năm 2022, thời gian thanh toán dự kiến ngày 20/10. Chứng khoán Bảo Việt cho biết ngày 9/10 sẽ chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 10%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận 1.000 đồng và thời gian thanh toán dự kiến ngày 20/10. Với 72,2 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính Chứng khoán Bảo Việt sẽ trả tổng cộng khoảng 72,2 tỷ đồng trong lần trả cổ tức này.

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

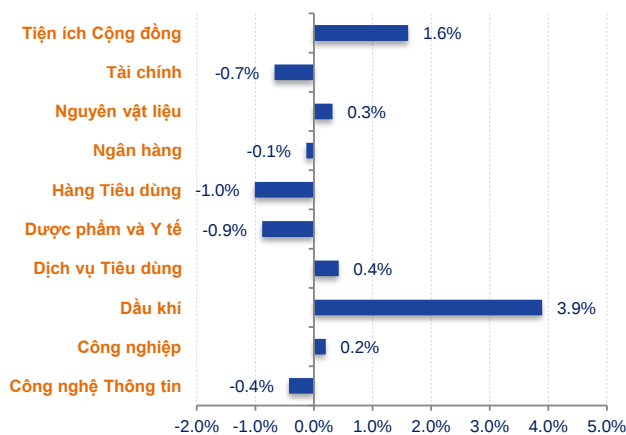
**KLGD và VN-Index trong phiên**



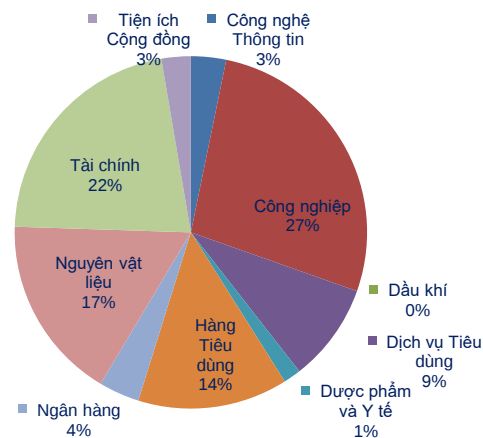
**KLGD và HNX-Index trong phiên**



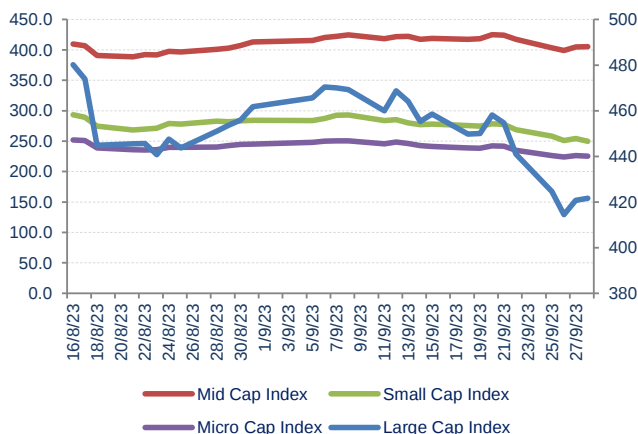
**Biến động giá phân theo nhóm Ngành**



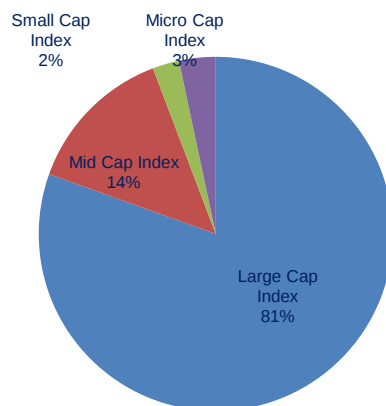
**Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành**



**Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa**



**Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa**



**Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:**

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ

Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ

Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ

Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | VCG   | 2,845,650   | VIX   | 3,179,320   |
| 2  | PDR   | 2,437,906   | VND   | 3,024,867   |
| 3  | GEX   | 2,143,955   | STB   | 2,858,009   |
| 4  | NLG   | 1,010,866   | CTG   | 2,016,585   |
| 5  | HSG   | 816,929     | HDB   | 1,822,013   |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | IDC   | 924,386     | TNG   | 553,728     |
| 2  | PVS   | 908,381     | NVB   | 103,500     |
| 3  | HUT   | 850,724     | DTD   | 68,000      |
| 4  | SHS   | 726,153     | MBS   | 34,500      |
| 5  | HAD   | 67,900      | IVS   | 9,400       |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| VIX | 16.55      | 15.90    | ↓ -3.93% | 31,375,401 |
| STB | 31.80      | 30.75    | ↓ -3.30% | 29,418,900 |
| SSI | 33.00      | 32.30    | ↓ -2.12% | 27,911,500 |
| VND | 21.85      | 21.05    | ↓ -3.66% | 26,177,400 |
| NVL | 15.50      | 15.75    | ↑ 1.61%  | 20,771,800 |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD       |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHS | 17.70      | 17.40    | ↓ -1.69% | 24,779,275 |
| PVS | 37.40      | 39.50    | ↑ 5.61%  | 12,535,543 |
| MBS | 22.70      | 22.90    | ↑ 0.88%  | 6,031,558  |
| HUT | 23.20      | 23.00    | ↓ -0.86% | 5,570,361  |
| CEO | 21.80      | 21.00    | ↓ -3.67% | 5,060,235  |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       |
|-----|------------|----------|------|---------|
| FTS | 40.20      | 43.00    | 2.80 | ↑ 6.97% |
| GSP | 13.00      | 13.90    | 0.90 | ↑ 6.92% |
| TDW | 45.30      | 48.40    | 3.10 | ↑ 6.84% |
| TCO | 11.00      | 11.75    | 0.75 | ↑ 6.82% |
| VOS | 12.50      | 13.35    | 0.85 | ↑ 6.80% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %       |
|-----|------------|----------|------|---------|
| VSM | 15.20      | 16.70    | 1.50 | ↑ 9.87% |
| SPC | 13.40      | 14.70    | 1.30 | ↑ 9.70% |
| VC7 | 22.70      | 24.90    | 2.20 | ↑ 9.69% |
| HJS | 39.50      | 43.30    | 3.80 | ↑ 9.62% |
| C69 | 7.30       | 8.00     | 0.70 | ↑ 9.59% |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %        |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| DC4 | 12.30      | 11.45    | -0.85 | ↓ -6.91% |
| LGC | 52.90      | 49.30    | -3.60 | ↓ -6.81% |
| TNT | 5.40       | 5.04     | -0.36 | ↓ -6.67% |
| PNC | 9.50       | 8.89     | -0.61 | ↓ -6.42% |
| ABR | 13.00      | 12.20    | -0.80 | ↓ -6.15% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-   | %         |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| TTC | 12.00      | 10.80    | -1.20 | ↓ -10.00% |
| CMS | 33.00      | 29.70    | -3.30 | ↓ -10.00% |
| ARM | 22.10      | 19.90    | -2.20 | ↓ -9.95%  |
| TKG | 7.30       | 6.60     | -0.70 | ↓ -9.59%  |
| V21 | 6.40       | 5.80     | -0.60 | ↓ -9.38%  |

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| VIX | 31,375,401 | 7.0%  | 839   | 19.7 | 1.3 |
| STB | 29,418,900 | 17.2% | 3,601 | 8.8  | 1.4 |
| SSI | 27,911,500 | 7.3%  | 1,093 | 30.2 | 2.2 |
| VND | 26,177,400 | 3.9%  | 467   | 46.8 | 1.8 |
| NVL | 20,771,800 | -1.3% | (295) | -    | 0.7 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD       | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| SHS | 24,779,275 | 4.3%  | 507   | 34.9  | 1.5 |
| PVS | 12,535,543 | 7.2%  | 1,953 | 19.2  | 1.4 |
| MBS | 6,031,558  | 10.0% | 1,037 | 21.9  | 2.1 |
| HUT | 5,570,361  | 1.3%  | 130   | 179.1 | 5.3 |
| CEO | 5,060,235  | 7.7%  | 931   | 23.4  | 1.8 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| FTS | ↑ 7.0% | 7.5%  | 1,172 | 34.3 | 2.5 |
| GSP | ↑ 6.9% | 12.4% | 1,655 | 7.9  | 0.9 |
| TDW | ↑ 6.8% | 25.9% | 6,507 | 7.1  | 1.8 |
| TCO | ↑ 6.8% | 11.2% | 1,868 | 5.9  | 0.7 |
| VOS | ↑ 6.8% | 15.9% | 1,760 | 7.1  | 1.1 |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%   | ROE   | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|--------|-------|---------|------|-----|
| VSM | ↑ 9.9% | 17.3% | 3,917   | 3.9  | 0.6 |
| SPC | ↑ 9.7% | -8.5% | (1,774) | -    | 0.7 |
| VC7 | ↑ 9.7% | 2.4%  | 261     | 86.9 | 2.1 |
| HJS | ↑ 9.6% | 14.0% | 2,119   | 18.6 | 2.8 |
| C69 | ↑ 9.6% | 2.8%  | 348     | 21.0 | 0.6 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua    | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|-----------|--------|---------|------|-----|
| VCG | 2,845,650 | 3.6%   | 672     | 35.7 | 1.3 |
| PDR | 2,437,906 | 8.2%   | 1,118   | 21.0 | 1.8 |
| GEX | 2,143,955 | 1.6%   | 385     | 53.3 | 0.8 |
| NLG | 1,010,866 | 4.4%   | 1,492   | 23.2 | 1.0 |
| HSG | 816,929   | -12.5% | (2,114) | -    | 1.2 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| IDC | 924,386 | 20.7% | 3,969 | 12.1  | 2.6 |
| PVS | 908,381 | 7.2%  | 1,953 | 19.2  | 1.4 |
| HUT | 850,724 | 1.3%  | 130   | 179.1 | 5.3 |
| SHS | 726,153 | 4.3%  | 507   | 34.9  | 1.5 |
| HAD | 67,900  | 11.9% | 2,275 | 7.7   | 0.9 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS    | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|-----|
| VCB | 490,722 | 23.0% | 5,797  | 15.1 | 3.2 |
| BID | 224,598 | 19.0% | 4,025  | 11.0 | 2.0 |
| GAS | 204,180 | 20.3% | 5,567  | 16.0 | 3.0 |
| VHM | 196,382 | 29.1% | 10,341 | 4.4  | 1.2 |
| VIC | 172,390 | 3.9%  | 1,395  | 32.4 | 1.3 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| HUT | 20,706  | 1.3%  | 130   | 179.1 | 5.3 |
| PVS | 17,876  | 7.2%  | 1,953 | 19.2  | 1.4 |
| IDC | 15,840  | 20.7% | 3,969 | 12.1  | 2.6 |
| SHS | 14,393  | 4.3%  | 507   | 34.9  | 1.5 |
| THD | 13,436  | 2.9%  | 458   | 76.1  | 2.2 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|-----|
| QCG | 4.64 | -0.4% | (63)  | -     | 0.7 |
| EVG | 3.46 | 1.3%  | 157   | 36.8  | 0.5 |
| VPH | 3.45 | 0.4%  | 39    | 212.5 | 0.8 |
| LDG | 3.13 | -5.5% | (693) | -     | 0.3 |
| LGL | 3.07 | 5.9%  | 769   | 5.4   | 0.3 |

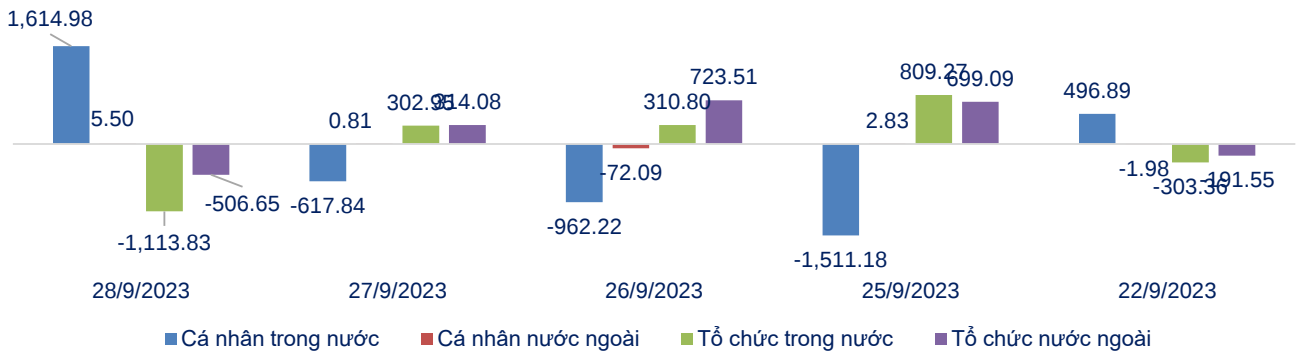
## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| VC7 | 3.19 | 2.4%  | 261   | 86.9 | 2.1 |
| VC2 | 3.19 | 3.9%  | 562   | 18.9 | 0.7 |
| SDA | 2.76 | -0.3% | (21)  | -    | 0.8 |
| AAV | 2.62 | -1.4% | (169) | -    | 0.4 |
| MST | 2.61 | 8.1%  | 914   | 5.0  | 0.4 |



## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|---------|--------|---------|------|-----|
| VJC | 436.93  | -14.1% | (4,026) | -    | 3.6 |
| STB | 135.16  | 17.2%  | 3,601   | 8.8  | 1.4 |
| MWG | 99.16   | 6.6%   | 1,069   | 48.6 | 3.3 |
| VNM | 73.47   | 23.9%  | 3,937   | 19.5 | 4.4 |
| GMD | 68.38   | 26.9%  | 7,573   | 8.5  | 2.0 |

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|---------|--------|---------|------|-----|
| NLG | -43.97  | 4.4%   | 1,492   | 23.2 | 1.0 |
| FTS | -31.43  | 7.5%   | 1,172   | 34.3 | 2.5 |
| VCG | -29.49  | 3.6%   | 672     | 35.7 | 1.3 |
| DGC | -28.09  | 36.6%  | 10,780  | 8.5  | 3.0 |
| HSG | -26.70  | -12.5% | (2,114) | -    | 1.2 |

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|---------|--------|---------|------|-----|
| TPB | 2.60    | 18.6%  | 2,686   | 6.6  | 1.3 |
| DXG | 1.58    | -1.4%  | (317)   | -    | 0.8 |
| GMD | 1.42    | 26.9%  | 7,573   | 8.5  | 2.0 |
| HSG | 1.35    | -12.5% | (2,114) | -    | 1.2 |
| GEX | 0.90    | 1.6%   | 385     | 53.3 | 0.8 |

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VPB | -5.17   | 11.1% | 1,728 | 12.2 | 1.3 |
| HAH | -1.35   | 20.6% | 5,583 | 6.7  | 1.3 |
| HPG | -0.95   | -2.0% | (328) | -    | 1.6 |
| NLG | -0.82   | 4.4%  | 1,492 | 23.2 | 1.0 |
| PVD | -0.64   | 1.8%  | 449   | 56.2 | 1.0 |

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã       | GT (tỷ) | ROE   | EPS    | P/E  | P/B |
|----------|---------|-------|--------|------|-----|
| DGC      | 50.12   | 36.6% | 10,780 | 8.5  | 3.0 |
| FUESSVFL | 32.15   | N/A   | N/A    | N/A  | N/A |
| HCM      | 17.80   | 7.2%  | 1,250  | 25.2 | 1.8 |
| REE      | 15.13   | 13.6% | 6,445  | 9.8  | 1.3 |
| DGW      | 14.18   | 20.5% | 3,039  | 18.8 | 3.7 |

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã  | GT (tỷ) | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|---------|--------|---------|------|-----|
| VJC | -431.64 | -14.1% | (4,026) | -    | 3.6 |
| GEX | -92.52  | 1.6%   | 385     | 53.3 | 0.8 |
| VNM | -64.94  | 23.9%  | 3,937   | 19.5 | 4.4 |
| MWG | -62.67  | 6.6%   | 1,069   | 48.6 | 3.3 |
| STB | -46.80  | 17.2%  | 3,601   | 8.8  | 1.4 |

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE  | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|------|-------|------|-----|
| VCG | 68.51   | 3.6% | 672   | 35.7 | 1.3 |
| PDR | 57.28   | 8.2% | 1,118 | 21.0 | 1.8 |
| MSN | 48.31   | 3.6% | 919   | 82.7 | 2.9 |
| GEX | 44.71   | 1.6% | 385   | 53.3 | 0.8 |
| NLG | 35.96   | 4.4% | 1,492 | 23.2 | 1.0 |

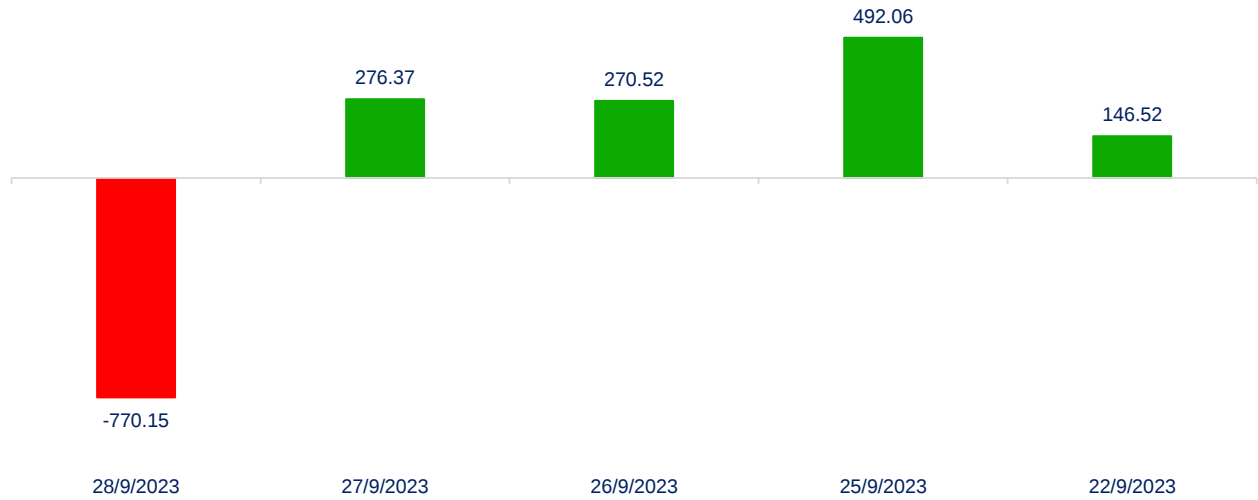
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã  | GT (tỷ) | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| STB | -88.10  | 17.2% | 3,601 | 8.8  | 1.4 |
| GMD | -65.66  | 26.9% | 7,573 | 8.5  | 2.0 |
| VND | -63.79  | 3.9%  | 467   | 46.8 | 1.8 |
| CTG | -60.93  | 15.8% | 3,664 | 8.5  | 1.3 |
| SSI | -51.98  | 7.3%  | 1,093 | 30.2 | 2.2 |

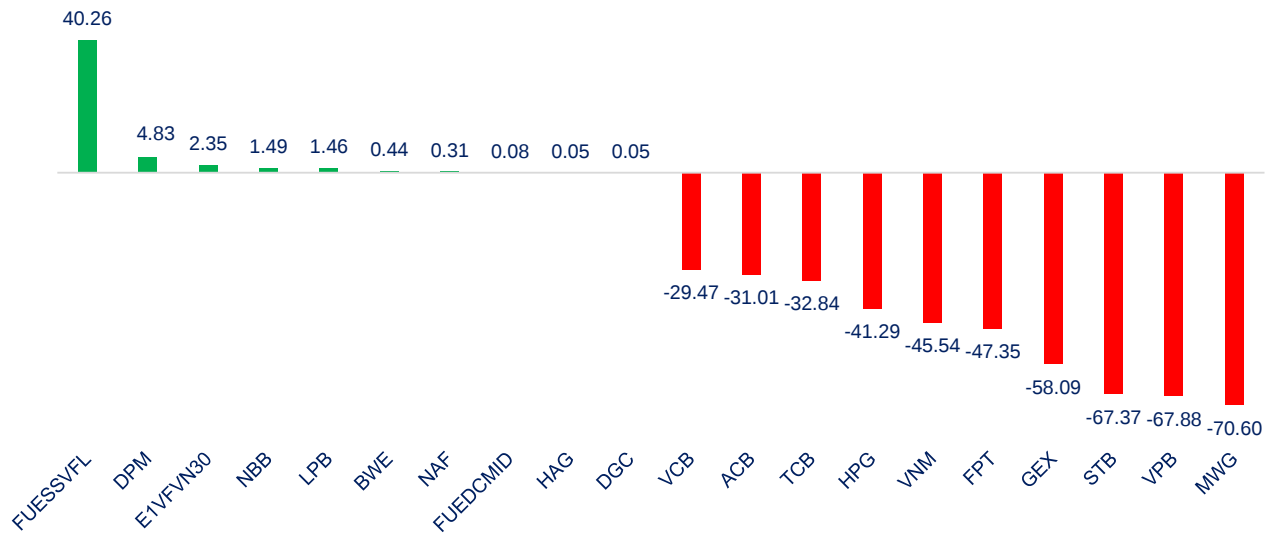


## THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)